

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

☆☆☆

DỰ THẢO

## **ĐIỀU LỆ**

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN  
CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH  
VIỆT NAM**

*Tháng 03 năm 2010*

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG .....</b>	<b>4</b>
Điều 1. Giải thích từ ngữ.....	4
Điều 2. Tên, hình thức, con dấu, trụ sở chính, mạng lưới và thời hạn hoạt động.....	6
Điều 3. Mục tiêu, lĩnh vực và phạm vi hoạt động.....	7
Điều 4. Các hoạt động chính.....	7
<b>CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU ..</b>	<b>9</b>
<b>MỤC I: VỐN ĐIỀU LỆ.....</b>	<b>9</b>
Điều 5. Vốn điều lệ.....	9
Điều 6. Thay đổi vốn điều lệ.....	9
<b>MỤC II: CỔ ĐÔNG.....</b>	<b>10</b>
Điều 7. Cổ đông.....	10
Điều 8. Quyền của cổ đông.....	10
Điều 9. Nghĩa vụ của cổ đông.....	11
Điều 10. Sổ đăng ký cổ đông và xác lập danh sách cổ đông.....	11
<b>MỤC III: CỔ PHẦN.....</b>	<b>12</b>
Điều 11. Cổ phần.....	12
Điều 12. Giới hạn sở hữu cổ phần.....	13
Điều 13. Chào bán cổ phần.....	13
Điều 14. Thu hồi cổ phần.....	14
Điều 15. Chuyển nhượng cổ phần.....	15
Điều 16. Mua lại cổ phần.....	16
Điều 17. Thừa kế cổ phần.....	18
<b>MỤC IV: CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU.....</b>	<b>19</b>
Điều 18. Cổ phiếu.....	19
Điều 19. Phát hành trái phiếu.....	20
<b>CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VPBANK.....</b>	<b>21</b>
<b>MỤC I: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG.....</b>	<b>21</b>
Điều 20. Bộ máy quản lý và người đại diện theo pháp luật.....	21
Điều 21. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ.....	21
Điều 22. Những trường hợp không được cùng đảm nhiệm chức vụ.....	22
Điều 23. Đương nhiên mất tư cách.....	23
Điều 24. Bãi nhiệm, miễn nhiệm.....	24
Điều 25. Đình chỉ, tạm đình chỉ.....	25
Điều 26. Chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm.....	26
Điều 27. Công khai các lợi ích có liên quan.....	26
Điều 28. Nghĩa vụ chung của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc Sở Giao dịch, Giám đốc công ty trực thuộc, Giám đốc đơn vị sự nghiệp của VPBank.....	26
Điều 29. Giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận.....	27
Điều 30. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.....	28
<b>MỤC II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....</b>	<b>28</b>

Điều 31.	Đại hội đồng cổ đông .....	28
Điều 32.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 33.	Họp Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 34.	Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	31
Điều 35.	Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông .....	32
Điều 36.	Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông .....	32
Điều 37.	Mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	33
Điều 38.	Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	34
Điều 39.	Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	34
Điều 40.	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	36
Điều 41.	Thẩm quyền và thê thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản .....	38
Điều 42.	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	39
Điều 43.	Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	40
<b>MỤC III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>		<b>41</b>
Điều 44.	Thành phần, cơ cấu và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị .....	41
Điều 45.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	42
Điều 46.	Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị .....	43
Điều 47.	Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	45
Điều 48.	Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị .....	46
Điều 49.	Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị .....	47
Điều 50.	Thê thức họp Hội đồng quản trị.....	48
Điều 51.	Thê thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.....	50
<b>MỤC IV: BAN KIỂM SOÁT.....</b>		<b>52</b>
Điều 52.	Thành viên Ban kiểm soát .....	52
Điều 53.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát.....	53
Điều 54.	Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát .....	54
Điều 55.	Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát.....	55
Điều 56.	Thông qua quyết định của Ban kiểm soát .....	55
Điều 57.	Cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản của thành viên Ban kiểm soát.....	56
<b>MỤC V: TỔNG GIÁM ĐỐC .....</b>		<b>58</b>
Điều 58.	Tổng Giám đốc .....	58
Điều 59.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc .....	59
Điều 60.	Giúp việc cho Tổng Giám đốc.....	60
<b>MỤC VI: NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN .....</b>		<b>60</b>
Điều 61.	Người lao động và công đoàn.....	60
<b>CHƯƠNG IV: CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, THÔNG TIN-BÁO CÁO .....</b>		<b>61</b>
<b>MỤC I: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG .....</b>		<b>61</b>
Điều 62.	Chế độ tài chính, năm tài chính .....	61
Điều 63.	Hệ thống kế toán.....	61
Điều 64.	Báo cáo tài chính .....	61
Điều 65.	Kiểm toán độc lập.....	62
Điều 66.	Sử dụng vốn.....	63
<b>MỤC II: TRÍCH LẬP CÁC QUỸ VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....</b>		<b>63</b>
Điều 67.	Trích lập các quỹ .....	63
Điều 68.	Chia cổ tức.....	63
<b>MỤC III: CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO .....</b>		<b>64</b>
Điều 69.	Thông tin và bảo mật thông tin.....	64

---

Điều 70. Báo cáo và công bố thông tin ra công chúng.....	65
Điều 71. Chế độ lưu giữ tài liệu .....	65
<b>CHƯƠNG V: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN.....</b>	<b>66</b>
Điều 72. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	66
Điều 73. Tổ chức lại .....	66
Điều 74. Giải thể .....	66
Điều 75. Kiểm soát đặc biệt và phá sản .....	67
<b>CHƯƠNG VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....</b>	<b>67</b>
Điều 76. Hiệu lực của Điều lệ .....	67
Điều 77. Điều khoản cuối cùng.....	68

## CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể có quy định khác, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a) “*Pháp luật*”: là các Bộ luật, Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quyết định, Thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác quy định tại Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.
  - b) “*Luật các tổ chức tín dụng*”: là Luật các tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Việt Nam thông qua ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng ngày 15/06/2004.
  - c) “*Luật Doanh nghiệp*”: là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005.
  - d) “*Luật Chứng khoán*”: là Luật Chứng khoán được Quốc hội nước Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006.
  - e) “*Nghị định 59*”: là Nghị định số 59/2009/NĐ-CP về Tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại do Chính phủ ban hành ngày 16/07/2009.
  - f) “*Ngân hàng Nhà nước*”: là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
  - g) “*VPBank*”: là Ngân hàng thương mại cổ phần Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh Việt Nam.
  - h) “*Ngày thành lập*”: có nghĩa là ngày mà VPBank được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
  - i) “*Vốn pháp định*”: là vốn tối thiểu theo quy định của luật pháp để thành lập và hoạt động ngân hàng.
  - j) “*Vốn điều lệ*”: là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi tại Điều 5 của Điều lệ này.
  - k) “*Mức cổ phần trọng yếu*”: là mức cổ phần chiếm từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VPBank.
  - l) “*Cổ phiếu*”: là chứng chỉ do VPBank phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của VPBank.

- m) “*Công ty trực thuộc của VPBank*”:<sup>1</sup> là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có và thuộc một trong các trường hợp sau:
- VPBank sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của Công ty đó;
  - VPBank có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của Công ty đó;
  - VPBank có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty đó.
- n) “*Người điều hành VPBank*”: bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của VPBank.<sup>2</sup>
- o) “*Người quản lý VPBank*”: bao gồm Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng VPBank.<sup>3</sup>
- p) “*Người có liên quan*”: là tổ chức, cá nhân có quan hệ với một tổ chức, cá nhân khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau:<sup>4</sup>
- Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; ngân hàng với công ty trực thuộc của ngân hàng và ngược lại; các công ty có cùng công ty mẹ với nhau; các công ty trực thuộc của cùng ngân hàng với nhau;
  - Công ty đối với người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của công ty đó hoặc người, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;
  - Công ty đối với cá nhân sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên tại công ty đó và ngược lại;
  - Những người có quan hệ thân thuộc với nhau, gồm: vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột;
  - Công ty đối với người có quan hệ thân thuộc (theo khái niệm nêu trên) của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của công ty đó và ngược lại;
  - Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người quy định tại các gạch đầu dòng trên đây đối với người ủy quyền.
- q) “*Thành viên Hội đồng quản trị độc lập*”: là thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo

<sup>1</sup> Khoản 6 Điều 5 Nghị định 59.

<sup>2</sup> Khoản 7 Điều 5 Nghị định 59.

<sup>3</sup> Khoản 8 Điều 5 Nghị định 59.

<sup>4</sup> Khoản 9 Điều 5 Nghị định 59.

các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 45 của Điều lệ này.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế của chúng.
3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều) trong Điều lệ này được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ ngữ, thuật ngữ, khái niệm chưa được định nghĩa trong Điều lệ này, sẽ được hiểu theo các quy định pháp luật có liên quan.

## **Điều 2. Tên, hình thức, con dấu, trụ sở chính, mạng lưới và thời hạn hoạt động**

1. Tên Ngân hàng:
  - a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng thương mại cổ phần Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh Việt Nam.
  - b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt: Ngân hàng Ngoài quốc doanh.
  - c) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Vietnam Commercial Joint-stock Bank for Private Enterprises.
  - d) Tên viết tắt bằng tiếng Anh: VPBank.
2. Hình thức: VPBank thuộc loại hình công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.
3. Việc khắc, đăng ký, quản lý và sử dụng con dấu của VPBank thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định nội bộ của VPBank.
4. Trụ sở chính:
  - a) Địa chỉ : Số 8 Lê Thái Tổ, P. Hàng Trống, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.
  - b) Điện thoại : 84-4-39288869 Fax: 84-4-39288867
  - c) Website : [www.vpb.com.vn](http://www.vpb.com.vn) Email: [vpb@vpb.com.vn](mailto:vpb@vpb.com.vn)
5. Các đơn vị trực thuộc: VPBank có thể thành lập công ty trực thuộc, sở giao dịch, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và các Công ty trực thuộc để thực hiện các mục tiêu hoạt động của VPBank phù hợp với quy định của pháp luật.
6. Thời hạn hoạt động của VPBank là chín mươi chín (99) năm kể từ ngày thành lập và có thể được gia hạn theo quy định của pháp luật.

**Điều 3. Mục tiêu, lĩnh vực và phạm vi hoạt động**

1. Mục tiêu của VPBank là trở thành một Ngân hàng đô thị đa năng, trong đó chú trọng phát triển các dịch vụ bán lẻ chất lượng tốt, trên cơ sở đó tạo ra mức lợi nhuận cao nhất cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định và ngày càng phát triển cho người lao động, đóng góp tích cực cho Ngân sách Nhà nước, cho sự phát triển chung của kinh tế và cộng đồng xã hội.
2. VPBank hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, thực hiện các hoạt động kinh doanh theo Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp và các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật.

**Điều 4. Các hoạt động chính<sup>5</sup>**

1. Hoạt động huy động vốn: VPBank huy động vốn theo các hình thức sau:
  - a) Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các loại tiền gửi khác;
  - b) Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và giấy tờ có giá khác để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;
  - c) Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và các tổ chức tín dụng nước ngoài;
  - d) Vay vốn ngắn hạn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.
  - e) Các hình thức huy động vốn khác phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Hoạt động tín dụng: VPBank cấp tín dụng cho các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo các hình thức sau:
  - a) Cho vay;
  - b) Bảo lãnh;
  - c) Chiết khấu các công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
  - d) Bao thanh toán;
  - e) Cho thuê tài chính;
  - f) Các hình thức cấp tín dụng khác phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ:
  - a) Cung ứng các phương tiện thanh toán;

<sup>5</sup> Chương III Luật các TCTD, Chương IV Nghị định 59.



- b) Mở tài khoản, thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật;
  - c) Thực hiện dịch vụ thu hộ và chi hộ;
  - d) Thực hiện dịch vụ thu và phát tiền mặt cho khách hàng;
  - e) Thực hiện các dịch vụ thanh toán và ngân quỹ khác phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Các hoạt động khác:
- a) Góp vốn, mua cổ phần của các tổ chức tín dụng và các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật;
  - b) Góp vốn với tổ chức tín dụng nước ngoài để thành lập tổ chức tín dụng liên doanh tại Việt nam theo quy định của pháp luật;
  - c) Tham gia và kinh doanh trên thị trường tiền tệ theo quy định của pháp luật;
  - d) Kinh doanh ngoại hối và vàng trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật;
  - e) Ủy thác, nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác và đại lý;
  - f) Cung ứng dịch vụ bảo hiểm; làm đại lý cho các công ty bảo hiểm, thành lập công ty trực thuộc hoặc liên doanh để kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật;
  - g) Trực tiếp hoặc thông qua các công ty trực thuộc cung ứng các dịch vụ như tư vấn tài chính và tiền tệ, mua bán và sáp nhập, tư vấn phát hành, đại lý phát hành, đại lý phân phối các giấy tờ có giá; bảo quản hiện vật quý và các giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, nhận cầm cố và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật;
  - h) Đầu tư vào các giấy tờ có giá ở trong nước và ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;
  - i) Thành lập công ty trực thuộc để hoạt động trên một số lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, quản lý và khai thác tài sản và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật;
  - j) Thực hiện các hoạt động khác mà quy định của pháp luật cho phép.
5. Bảo đảm an toàn: Trong quá trình hoạt động, VPBank phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

## CHƯƠNG II VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

### MỤC I: VỐN ĐIỀU LỆ

#### **Điều 5. Vốn điều lệ**

1. Vốn điều lệ của VPBank tại thời điểm thông qua bản Điều lệ này là: 2.117.474.330.000 đồng (Hai nghìn một trăm mười bảy tỷ, bốn trăm bảy mươi tư triệu, ba trăm ba mươi ngàn đồng).
2. Vốn điều lệ của VPBank được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
3. VPBank phải bảo đảm mức Vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức Vốn pháp định.

#### **Điều 6. Thay đổi vốn điều lệ<sup>6</sup>**

1. Việc thay đổi vốn điều lệ của VPBank phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.
2. Sau khi đã thay đổi mức vốn điều lệ, VPBank phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh về mức vốn điều lệ mới.
3. Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện để VPBank thay đổi vốn điều lệ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Các hình thức tăng vốn điều lệ của VPBank:
  - a) Phát hành thêm cổ phần để huy động thêm vốn, kể cả trường hợp cơ cấu lại nợ theo hình thức chuyển nợ thành vốn góp cổ phần theo thỏa thuận giữa VPBank và các chủ nợ;
  - b) Chuyển trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần;
  - c) Thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu mới của VPBank;
  - d) Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng vốn điều lệ;
  - e) Các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.
5. Các hình thức giảm vốn điều lệ của VPBank:
  - a) VPBank mua lại và hủy bỏ số lượng cổ phiếu quỹ có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến được điều chỉnh giảm;
  - b) VPBank thu hồi và hủy bỏ số lượng cổ phiếu quỹ có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến được điều chỉnh giảm;

---

<sup>6</sup> Điều 80 Nghị định 59.

- c) Các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

## MỤC II: CỔ ĐÔNG

### Điều 7. Cổ đông<sup>7</sup>

1. Cổ đông là người sở hữu cổ phần của VPBank, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần mà họ nắm giữ.
2. Cổ đông chỉ được công nhận chính thức khi thanh toán đủ tiền mua cổ phần và được ghi đầy đủ các thông tin liên quan vào Sổ đăng ký cổ đông của VPBank.
3. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tại VPBank thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 96 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.
4. VPBank phải có tối thiểu 100 cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa.

### Điều 8. Quyền của cổ đông<sup>8</sup>

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
  - a) Các quyền theo quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g khoản 1 Điều 79 Luật Doanh nghiệp;
  - b) Được chuyển nhượng cổ phần hoặc bán lại cổ phần cho VPBank theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan;
  - c) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền được ủy quyền lại bằng văn bản cho người khác nếu được cổ đông đồng ý;
  - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 79 Luật Doanh nghiệp;
  - e) Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 79 Luật Doanh nghiệp nhưng danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định;
  - f) Cổ đông phổ thông có các quyền khác theo quy định của pháp luật.
2. Cổ đông ưu đãi biểu quyết có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Doanh nghiệp.
3. Cổ đông ưu đãi cổ tức có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Doanh

<sup>7</sup> Điều 30 Nghị định 59.

<sup>8</sup> Điều 79 Luật Doanh nghiệp, Điều 31 Nghị định 59.

nghiệp.

### **Điều 9. Nghĩa vụ của cổ đông<sup>9</sup>**

1. Cổ đông của VPBank phải thực hiện các nghĩa vụ sau:
  - a) Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn do VPBank quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VPBank trong phạm vi số vốn đã góp vào VPBank;
  - b) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi ngân hàng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của VPBank, trừ trường hợp được VPBank hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Điều này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của VPBank phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VPBank trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;
  - c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần tại VPBank;
  - d) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, các khoản 2, 3, 4, 5 Điều 80 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư; nếu không cung cấp thông tin cho VPBank, trong trường hợp VPBank phát hiện ra chủ sở hữu thực sự, VPBank có quyền đình chỉ các quyền cổ đông liên quan đến số cổ phần không công khai chủ sở hữu thực sự.

### **Điều 10. Sổ đăng ký cổ đông và xác lập danh sách cổ đông<sup>10</sup>**

1. Sổ đăng ký cổ đông:
  - a) VPBank lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
  - b) Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
    - Tên, địa chỉ trụ sở chính của VPBank;

<sup>9</sup> Điều 80 Luật Doanh nghiệp, Điều 32 Nghị định 59.

<sup>10</sup> Điều 86 Luật Doanh nghiệp, Điều 33 Nghị định 59.

- Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
  - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
  - Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
- c) Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của VPBank hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của VPBank hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.
- d) Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

## 2. Xác lập danh sách cổ đông:

- a) Hội đồng quản trị quy định cụ thể về thời điểm xác lập danh sách các cổ đông được hưởng các quyền của cổ đông và phải đảm bảo cổ đông có đủ thời gian để đăng ký những thay đổi về bản thân và số cổ đông mà mình sở hữu với VPBank trước thời điểm nói trên;
- b) Các giao dịch chuyển nhượng cổ phần phát sinh trong khoảng thời gian từ sau ngày chốt danh sách cổ đông đến ngày quyền của cổ đông được thực hiện, người chuyển nhượng là người được hưởng các quyền của cổ đông.

## MỤC III: CỔ PHẦN

### Điều 11. Cổ phần

1. Một cổ phần của VPBank có mệnh giá là 10.000đồng (Mười nghìn đồng).
2. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, toàn bộ cổ phần của VPBank là cổ phần phổ thông; tất cả các cổ đông của VPBank là cổ đông phổ thông.
3. Trường hợp cần thiết, VPBank có thể phát hành các loại cổ phần khác phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

**Điều 12. Giới hạn sở hữu cổ phần<sup>11</sup>**

1. Đối với nhà đầu tư trong nước:
  - a) Một cổ đông cá nhân chỉ được sở hữu tối đa 10% Vốn điều lệ VPBank.
  - b) Một cổ đông là tổ chức chỉ được sở hữu tối đa 20% Vốn điều lệ của VPBank.
  - c) Cổ đông và những người có liên quan của cổ đông đó được sở hữu tối đa 20% vốn điều lệ của VPBank.
  - d) Việc sở hữu cổ phần vượt quá các giới hạn nêu trên do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước.
2. Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật có liên quan trong từng thời kỳ.
3. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần tại Điều này.

**Điều 13. Chào bán cổ phần<sup>12</sup>**

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
  - a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
  - b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở VPBank;
  - c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp VPBank phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại VPBank, thì phải thực hiện theo quy định sau đây:
  - a) VPBank sẽ thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú (hoặc địa chỉ liên hệ khác mà cổ đông đăng ký với VPBank) của cổ đông. Thông báo này sẽ được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.

<sup>11</sup> Điều 34 Nghị định 59.

<sup>12</sup> Điều 87 Luật Doanh nghiệp, Điều 36 Nghị định 59.

- b) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại VPBank; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của VPBank. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do VPBank phát hành;
- c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;
- d) Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về VPBank đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của VPBank hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán.
3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 86 của Luật Doanh nghiệp được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của VPBank.
4. Sau khi cổ phần được bán, VPBank sẽ phát hành và trao cổ phiếu cho người mua, hoặc ghi các thông tin về cổ đông vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó tại VPBank.

#### **Điều 14. Thu hồi cổ phần<sup>13</sup>**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho VPBank theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán, đồng thời ghi rõ trường hợp

<sup>13</sup> Điều lệ mẫu áp dụng cho Công ty niêm yết, ban hành kèm theo QĐ 15/2007 của Bộ Tài chính.

không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của VPBank. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi kể từ ngày quyết định thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán, tính theo mức lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cùng kỳ hạn của VPBank vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

### **Điều 15. Chuyển nhượng cổ phần<sup>14</sup>**

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.
3. Hội đồng quản trị quy định về trình tự, thủ tục chuyển nhượng cổ phần phù hợp với các quy định của pháp luật. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và ngân hàng phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng

<sup>14</sup> Điều 87 Luật Doanh nghiệp, Điều 36 Nghị định 59.



và số cổ phần còn lại.

4. Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần của VPBank sau đây phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng:
  - a) Các giao dịch mua bán mức cổ phần trọng yếu;
  - b) Các giao dịch mua bán cổ phần dẫn đến cổ đông đang sở hữu mức cổ phần trọng yếu trở thành không sở hữu cổ phần trọng yếu và ngược lại.
5. Cổ đông cá nhân, cổ đông pháp nhân có người đại diện vốn góp là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc trong thời gian đảm nhiệm chức danh và trong thời gian 01 năm, kể từ thời điểm không đảm nhiệm chức danh, được chuyển nhượng cổ phần nhưng phải giữ lại tối thiểu 50% tổng số cổ phần mà mình sở hữu vào thời điểm được Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm và phải có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước trước khi thực hiện việc chuyển nhượng cổ phần tối thiểu 15 ngày làm việc đối với số cổ phần được phép chuyển nhượng.
6. Trong thời gian đang xử lý các hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông do trách nhiệm cá nhân, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ trường hợp các thành viên này:
  - a) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản theo quy định pháp luật;
  - b) Bị bắt buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án.
7. Việc chuyển nhượng cổ phần của VPBank đã được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán/Trung tâm Giao dịch chứng khoán được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
8. Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông tham gia góp vốn thành lập ngân hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 16. Mua lại cổ phần<sup>15</sup>**

1. VPBank mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông hoặc theo quyết định của VPBank.
2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:
  - a) Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại VPBank hoặc thay đổi

<sup>15</sup> Điều 90, 91 Luật Doanh nghiệp, Điều 40 Nghị định 59.

quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại bản Điều lệ này có quyền yêu cầu VPBank mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu VPBank mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Trụ sở chính của VPBank trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

- b) VPBank phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu với mức giá do hai bên thỏa thuận. Trường hợp hai bên không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác, hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. VPBank sẽ giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn một trong số ba tổ chức đó và lựa chọn này là quyết định cuối cùng.
3. Mua lại cổ phần theo quyết định của VPBank: VPBank có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:
- a) Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
  - b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điểm c Khoản này. Đối với cổ phần loại khác, nếu VPBank và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
  - c) VPBank có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ tại VPBank. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của VPBank phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của VPBank, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho VPBank. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến Trụ sở chính của VPBank trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký

kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. VPBank chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

4. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:

- a) VPBank chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, VPBank vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, vốn điều lệ không được thấp hơn mức vốn pháp định và các điều kiện liên quan khác do Ngân hàng Nhà nước quy định. Trường hợp VPBank mua lại cổ phần của chính mình dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của VPBank, thì phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.
- b) Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.
- c) Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại (nếu có) phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với VPBank.
- d) Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của VPBank giảm hơn 10% thì VPBank phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

### **Điều 17. Thừa kế cổ phần**

1. Việc thừa kế cổ phần thực hiện theo quy định của Điều lệ này, Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Sau khi xuất thực hiện xong tất cả các thủ tục thừa kế và xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh tư cách thừa kế hợp pháp, người thừa kế thực hiện đăng ký các loại cổ phần được thừa kế tại Sở đăng ký cổ đông và trở thành cổ đông của VPBank, được hưởng các quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.
3. Người thừa kế cổ phần của các cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác không đương nhiên được thừa kế quyền nắm giữ các chức danh đó.

## MỤC IV: CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

### Điều 18. Cổ phiếu<sup>16</sup>

1. Cổ phiếu VPBank là chứng chỉ do VPBank phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của VPBank. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên. Cổ phiếu của VPBank có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của VPBank;
  - b) Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
  - c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
  - d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
  - e) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;
  - f) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
  - g) Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của VPBank;
  - h) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của VPBank và ngày phát hành cổ phiếu;
  - i) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.
2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do VPBank phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc VPBank phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với VPBank.
3. Cổ phiếu của VPBank không được sử dụng để cầm cố tại chính VPBank.
4. Trường hợp phát hành cổ phiếu dưới hình thức chứng chỉ, thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày VPBank đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh về mức vốn điều lệ mới, VPBank phải phát hành cổ phiếu mới cho các cổ đông.
5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác thì xử lý như sau:
  - a) VPBank cấp lại cổ phiếu cho cổ đông theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của

<sup>16</sup> Điều 85 Luật Doanh nghiệp, Điều 35 Nghị định 59.

cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

— Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả cho VPBank để tiêu huỷ;

— Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

- b) Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của VPBank có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị VPBank cấp cổ phiếu mới.

### **Điều 19. Phát hành trái phiếu<sup>17</sup>**

1. Việc phát hành trái phiếu của VPBank phải tuân thủ quy định tại Điều 88 Luật Doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Đối với trái phiếu chuyển đổi:
  - a) Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu do VPBank phát hành và có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của VPBank theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành;
  - b) Việc VPBank phát hành trái phiếu chuyển đổi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản;
  - c) VPBank quy định cụ thể về phương thức phát hành, thời điểm phát hành, thời hạn chuyển đổi trái phiếu, tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu, biên độ biến động giá cổ phiếu, mục đích sử dụng nguồn thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi, các quyền và nghĩa vụ của người sở hữu trái phiếu chuyển đổi theo quy định của pháp luật. Những thông tin này phải được công khai vào thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi;
  - d) Thủ tục, hồ sơ xin phát hành trái phiếu chuyển đổi được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành khác có liên quan.

<sup>17</sup> Điều 88 Luật Doanh nghiệp, Điều 37 Nghị định 59.

## **CHƯƠNG III CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VPBANK<sup>18</sup>**

### **MỤC I: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 20. Bộ máy quản lý và người đại diện theo pháp luật<sup>19</sup>**

1. Bộ máy quản lý của VPBank bao gồm:
  - a) Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Hội đồng quản trị;
  - c) Ban kiểm soát;
  - d) Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc;
  - e) Các cơ quan, cá nhân khác theo quy định nội bộ của VPBank.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của VPBank.

#### **Điều 21. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ<sup>20</sup>**

1. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Sở Giao dịch, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Công ty trực thuộc của VPBank:
  - a) Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang có án tích;
  - c) Người đã từng bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội xâm phạm sở hữu; người đã từng bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
  - d) Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp nhà nước tại VPBank;
  - e) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;
  - f) Bố mẹ (gồm cả bố mẹ nuôi), vợ, chồng, con (gồm cả con nuôi), anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc không được là Kế toán trưởng

<sup>18</sup> Mục III, Chương II Luật các TCTD; Điều 95 đến Điều 127 LDN, Chương III NĐ 59.

<sup>19</sup> Điều 95 Luật Doanh nghiệp, Điều 14 Nghị định 59.

<sup>20</sup> Điều 19 Nghị định 59.

- của VPBank;
- g) Đã từng bị bãi nhiệm chức danh Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban hoặc thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VPBank;
  - h) Đã từng bị VPBank xử lý kỷ luật với hình thức sa thải theo đúng quy định của pháp luật.
2. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc của VPBank:
- a) Thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;
  - b) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng giám đốc), Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
  - c) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
  - d) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc của ngân hàng theo quy định tại Điều 25 Nghị định 59 hoặc bị cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan pháp luật xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
  - e) Bố, mẹ (gồm cả bố mẹ nuôi), vợ, chồng, con (gồm cả con nuôi), anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc không được là thành viên Ban Kiểm soát của VPBank.

## **Điều 22. Những trường hợp không được cùng đảm nhiệm chức vụ<sup>21</sup>**

- 1. Thành viên Hội đồng quản trị của VPBank:
  - a) Không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát của VPBank;
  - b) Không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp được sự đồng ý của Hội đồng quản trị VPBank hoặc tổ chức tín dụng đó là Công

---

<sup>21</sup> Điều 20 Nghị định 59.

- ty trực thuộc của VPBank;
- c) Chủ tịch Hội đồng quản trị của VPBank không được đồng thời là người điều hành của VPBank; không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức tín dụng đó là Công ty trực thuộc của VPBank.
2. Thành viên Ban Kiểm soát của VPBank:
    - a) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên của VPBank hoặc Công ty trực thuộc của VPBank;
    - b) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại VPBank;
    - c) Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành của tổ chức tín dụng khác.
  3. Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc không được đồng thời là người điều hành hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp đó là Công ty trực thuộc của VPBank; không được đồng thời tham gia điều hành tại doanh nghiệp khác.

### **Điều 23. Đương nhiên mất tư cách<sup>22</sup>**

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc:
  - a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;
  - b) Vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều 21 Điều lệ này;
  - c) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà người đó là đại diện vốn góp chấm dứt;
  - d) Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;
  - e) Bị tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
  - f) VPBank bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
  - g) Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y các chức danh của nhiệm kỳ mới có hiệu lực;

---

<sup>22</sup> Điều 23 Nghị định 59.



- h) Hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.
2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được các đối tượng bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm a), b), c), d), e) và h) khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị VPBank phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.
  3. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VPBank sau khi bị xác định mất tư cách đương nhiên vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ VPBank hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.
  4. Chức danh được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y trước đây của những người bị mất tư cách đương nhiên quy định tại Điều này đương nhiên hết hiệu lực.

#### **Điều 24. Bãi nhiệm, miễn nhiệm<sup>23</sup>**

1. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VPBank bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a) Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
  - b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức);
  - c) Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập;
  - d) Khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết;
  - e) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với thành viên Hội đồng quản trị) trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - f) Bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 27, Điều 28 Điều lệ này;
  - g) Vi phạm quy định tại Điều lệ này và/hoặc các quy định của pháp luật về mua, bán và chuyển nhượng cổ phần;
  - h) Vi phạm quy định tại Điều lệ này và/hoặc các quy định của pháp luật trong quá

---

<sup>23</sup> Điều 24 Nghị định 59.

trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

- i) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.<sup>24</sup>
3. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VPBank sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của VPBank hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.
4. Chức danh đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y đương nhiên hết hiệu lực khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của VPBank.
5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị VPBank phải có văn bản thông báo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.

#### **Điều 25. Đình chỉ, tạm đình chỉ<sup>25</sup>**

1. Trường hợp VPBank bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban Kiểm soát đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước thành lập có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc nếu xét thấy cần thiết.
2. Trường hợp Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc VPBank vi phạm quy định tại Điều lệ này và/hoặc các quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của những đối tượng vi phạm này nếu xét thấy cần thiết.
3. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VPBank có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quyết định của cơ quan bảo vệ pháp luật.

<sup>24</sup> Khoản 2 Điều 115, Khoản 2 Điều 127 Luật Doanh nghiệp.

<sup>25</sup> Điều 25 Nghị định 59.

4. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và sai phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của VPBank hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 26. Chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm<sup>26</sup>**

1. Việc bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VPBank phải được Thống đốc Ngân hàng nhà nước chuẩn y. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị chuẩn y thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
2. VPBank quy định và tự chịu trách nhiệm về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu tại khoản 4 Điều 23 Điều lệ này và thông báo cho Ngân hàng Nhà nước danh sách những người được bổ nhiệm kèm sơ yếu lý lịch của những người này.

#### **Điều 27. Công khai các lợi ích có liên quan<sup>27</sup>**

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác của VPBank phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với VPBank theo đúng quy định tại Điều 118 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

#### **Điều 28. Nghĩa vụ chung của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc Sở Giao dịch, Giám đốc công ty trực thuộc, Giám đốc đơn vị sự nghiệp của VPBank<sup>28</sup>**

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ VPBank, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hoặc chủ sở hữu (đối với các Công ty trực thuộc).
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích của VPBank.
3. Trung thành với lợi ích của VPBank; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của VPBank, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của VPBank để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của VPBank.
4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho VPBank về quyền lợi có thể gây xung đột

<sup>26</sup> Điều 26 Nghị định 59.

<sup>27</sup> Điều 27 Nghị định 59.

<sup>28</sup> Điều 28 Nghị định 59.

mà họ có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng quản trị đã xem xét và chấp thuận.

5. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với VPBank hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của VPBank.
6. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình quy định tại Điểm p), Khoản 1, Điều 1 Điều lệ này vay vốn của VPBank với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và của VPBank.
7. Không được tăng lương, thù lao, trả thưởng khi VPBank bị lỗ.
8. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

### **Điều 29. Giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận**

1. Hợp đồng, giao dịch (trừ trường hợp bị pháp luật cấm hoặc hạn chế) giữa VPBank với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
  - a) Cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu và những người có liên quan của họ;
  - b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của họ;
  - c) Doanh nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều 118 của Luật Doanh nghiệp.
2. Các hợp đồng, giao dịch nêu tại Khoản 1 Điều này, nếu có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn tự có của VPBank, thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
3. Các hợp đồng, giao dịch nêu tại Khoản 1 Điều này, nếu có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn tự có của VPBank trở xuống, thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
4. Hợp đồng, giao dịch nêu tại Khoản 1 Điều này được ký kết, thực hiện mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và

Khoản 3 Điều này, thì hợp đồng, giao dịch đó bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật. Các đối tượng có liên quan nêu tại Điểm a), b) và c) Khoản 1 Điều này và các cá nhân phía VPBank tham gia quyết định, ký kết, thực hiện các hợp đồng, giao dịch phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho VPBank các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

**Điều 30. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc<sup>29</sup>**

Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc do Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định trên cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 125 Luật Doanh nghiệp.

**MỤC II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**Điều 31. Đại hội đồng cổ đông<sup>30</sup>**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VPBank.
2. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Trụ sở chính của VPBank trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông;
  - b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại VPBank;
  - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền;
  - d) Số cổ phần được uỷ quyền đại diện;
  - e) Thời hạn đại diện theo uỷ quyền;
  - f) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

<sup>29</sup> Điều 29 Nghị định 59.

<sup>30</sup> Điều 96 Luật Doanh nghiệp

**Điều 32. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông<sup>31</sup>**

1. Thông qua định hướng phát triển của VPBank;
2. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ VPBank;
3. Thông qua Quy định nội bộ về tổ chức hoạt động, chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan;
5. Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác hàng năm đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
6. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho VPBank và cổ đông của VPBank;
7. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
8. Quyết định việc mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan;
9. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
10. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận;
11. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao;
12. Quyết định thành lập Công ty trực thuộc;
13. Quyết định tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản VPBank;
14. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 33. Hợp Đại hội đồng cổ đông<sup>32</sup>**

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc họp bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn bốn

<sup>31</sup> Điều 96 Luật Doanh nghiệp, Điều 41 Nghị định 59.

<sup>32</sup> Điều 97 Luật Doanh nghiệp, Điều 42 Nghị định 59.

tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; Hội đồng quản trị có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn nhưng không được quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Báo cáo tài chính hằng năm;
  - b) Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở VPBank;
  - c) Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý VPBank của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc;
  - d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - e) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các trường hợp sau, nếu không thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với VPBank:
- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của VPBank;
  - b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật, bao gồm cả trường hợp không đủ số thành viên Hội đồng quản trị độc lập;
  - c) Số thành viên của Hội đồng quản trị hoặc số thành viên của Ban Kiểm soát nhỏ hơn hai phần ba tổng số thành viên được bầu ban đầu của nhiệm kỳ đó;
  - d) Phát sinh các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà cần phải giải quyết ngay để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của VPBank;
  - e) Theo yêu cầu bằng văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của VPBank trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng. Văn bản yêu cầu triệu tập họp phải nêu rõ lý do và mục đích của cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan;
  - f) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
  - g) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.
4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm

soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với VPBank.

5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm e) Khoản 3 Điều này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
6. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.
7. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy tại các khoản 3, 4, và 5 của Điều này sẽ được VPBank hoàn lại.

#### **Điều 34. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông<sup>33</sup>**

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo uỷ quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này thì uỷ quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của VPBank và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
  - a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;
  - b) Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
  - c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

<sup>33</sup> Điều 101 Luật Doanh nghiệp.



3. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực trong trường hợp người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền, trừ trường hợp Hội đồng quản trị VPBank nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp nêu trên chậm nhất hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.
4. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

### **Điều 35. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông<sup>34</sup>**

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của VPBank. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất ba mươi ngày<sup>35</sup> trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 36. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông<sup>36</sup>**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của VPBank trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương

<sup>34</sup> Điều 98 Luật Doanh nghiệp.

<sup>35</sup> LDN cho phép Điều lệ được quy định thời hạn khác ngắn hơn.

<sup>36</sup> Điều 99 Luật Doanh nghiệp.

trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến VPBank chậm nhất bảy ngày làm việc<sup>37</sup> trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:
  - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
  - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Kiến nghị của cổ đông không vì lợi ích chung của VPBank<sup>38</sup>.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **Điều 37. Mời họp Đại hội đồng cổ đông<sup>39</sup>**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất bảy ngày làm việc<sup>40</sup> trước ngày khai mạc, cụ thể như sau:
  - a) Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc địa chỉ liên lạc khác mà cổ đông đăng ký trước với VPBank;
  - b) Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của VPBank; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp.
2. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
3. Thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của VPBank đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

<sup>37</sup> Theo LDN là 03 ngày nhưng cho phép Điều lệ được quy định khác.

<sup>38</sup> LDN cho phép Điều lệ bổ sung trường hợp từ chối.

<sup>39</sup> Điều 100 Luật Doanh nghiệp.

<sup>40</sup> LDN cho phép Điều lệ quy định thời hạn khác.

4. Trường hợp chương trình họp Đại hội đồng cổ đông có nội dung bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, thì trước khi tiến hành cuộc họp tối thiểu 30 ngày, Hội đồng quản trị phải thông báo cho các cổ đông có quyền dự họp về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung, các điều kiện, tiêu chuẩn đối với từng chức danh để cổ đông đề cử người tham gia tranh cử theo đúng quy định của pháp luật.<sup>41</sup>

### **Điều 38. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông<sup>42</sup>**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và/hoặc người được ủy quyền hợp pháp dự họp đại diện ít nhất 65%<sup>43</sup> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 38 Điều lệ này.

### **Điều 39. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông<sup>44</sup>**

1. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:
  - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên Hội đồng quản trị làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

<sup>41</sup> Khoản 1 Điều 11 Thông tư 06/2010/TT-NHNN ngày 26/02/2010.

<sup>42</sup> Điều 102 Luật Doanh nghiệp.

<sup>43</sup> Theo Nghị quyết của Quốc hội số 71/2006/QH11 thì có thể điều chỉnh tỷ lệ này xuống tối thiểu 51%.

<sup>44</sup> Điều 103 Luật Doanh nghiệp.

- b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- c) Chủ tọa có quyền chỉ định thêm không quá hai người cùng tham gia điều hành cuộc họp;
- d) Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá bảy người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.<sup>45</sup>

## 2. Đăng ký dự họp:

- a) Vào ngày khai mạc cuộc họp, các cổ đông và người được ủy quyền dự họp phải có mặt tại địa điểm họp đúng thời gian đã được thông báo để làm thủ tục đăng ký dự họp. Khoảng thời gian dành cho việc đăng ký thực hiện theo thông báo mời họp;
  - b) Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết hoặc phiếu biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp;
  - c) Hết thời gian dành cho việc đăng ký, nếu đã đủ tỷ lệ tối thiểu để tiến hành cuộc họp, Chủ tọa có thể cho bắt đầu cuộc họp để bảo đảm tiến độ, không cần phải chờ đến khi có đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp;
  - d) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết các vấn đề ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký.
3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
  4. Chủ tọa và thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
  5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề hoặc từng nhóm vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết bằng thẻ tại cuộc họp, sẽ thực hiện đếm số thẻ biểu quyết tán thành trước, sau đó đến thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Một thẻ biểu quyết có thể được thiết kế dùng để biểu quyết cho

<sup>45</sup> Theo LDN là 3 người, nhưng Luật cho phép Điều lệ quy định khác.

- nhiều vấn đề. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp;
6. Trước và trong khi diễn ra cuộc họp, Chủ tọa hoặc người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông (khi chưa xác định được Chủ tọa) có quyền:
    - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
    - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp các trường hợp sau đây:
    - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
    - b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
    - c) Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;
  8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
  9. Trường hợp xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp khác với quy định tại Điều này.

#### **Điều 40. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông<sup>46</sup>**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:<sup>47</sup>
  - a) Thông qua định hướng phát triển của VPBank.
  - b) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ VPBank;
  - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

<sup>46</sup> Điều 104 Luật Doanh nghiệp; Nghị quyết của Quốc hội số 71/2006/QH11.

<sup>47</sup> Khoản 2 Điều 43 Nghị định 59.

- d) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho VPBank và cổ đông của VPBank;
  - e) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
  - f) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
  - g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận;
  - h) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao;
  - i) Quyết định các hợp đồng giao dịch của VPBank không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn Luật này với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu và người có liên quan của họ có giá trị lớn hơn 20% vốn tự có của VPBank. Trong trường hợp này, các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
  - j) Quyết định tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản VPBank.
3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:
- a) Được số cổ đông đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm)<sup>48</sup> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
  - b) Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ VPBank; tổ chức lại, giải thể VPBank; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VPBank, thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết<sup>49</sup> của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
  - c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

<sup>48</sup> Tỷ lệ này theo LDN là 65%, tuy nhiên Nghị quyết số 71 của Quốc hội cho phép 51%.

<sup>49</sup> LDN quy định 75%, nhưng cho phép Điều lệ quy định khác. ND 59 quy định cũng là 75%.

4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
5. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận<sup>50</sup>.
6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

#### **Điều 41. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản<sup>51</sup>**

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của VPBank.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi đến cho cổ đông bằng phương thức bảo đảm rằng đến được địa chỉ thường trú (hoặc địa chỉ liên lạc khác mà cổ đông đăng ký trước với VPBank) của từng cổ đông.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của VPBank;
  - b) Mục đích lấy ý kiến;
  - c) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - d) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - e) Thời hạn phải gửi về VPBank phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền ký Phiếu lấy ý kiến.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức.
5. Phiếu lấy ý kiến gửi về VPBank phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về VPBank sau thời

<sup>50</sup> Tỷ lệ này theo LDN và NĐ 59 là 75%.

<sup>51</sup> Điều 105 Luật Doanh nghiệp.

- hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đầu không hợp lệ.
6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý VPBank. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
    - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của VPBank;
    - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
    - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
    - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
    - e) Các quyết định đã được thông qua;
    - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền và của người giám sát kiểm phiếu.
  7. Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
  8. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
  9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VPBank.
  10. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 42. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông<sup>52</sup>**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của VPBank. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của VPBank;

<sup>52</sup> Điều 106 Luật Doanh nghiệp.



- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d) Chủ tọa và thư ký;
  - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
  - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - h) Các quyết định đã được thông qua;
  - i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.
  3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
  4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
  5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.
  6. Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp, tất cả các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi VPBank đặt trụ sở chính.
  7. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VPBank.

### **Điều 43. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông<sup>53</sup>**

1. Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông,

<sup>53</sup> Điều 107 Luật Doanh nghiệp.

thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;
  - b) Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
2. Trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc tại cơ quan Tòa án, Trọng tài thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

### MỤC III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### **Điều 44. Thành phần, cơ cấu và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị**<sup>54</sup>

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị VPBank, có toàn quyền nhân danh VPBank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của VPBank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị của VPBank có tối thiểu 03 thành viên và tối đa 11 thành viên; số lượng thành viên cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là người không điều hành và thành viên độc lập, trong đó có tối thiểu 02 thành viên độc lập. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên độc lập.
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện vốn góp của một tổ chức không được chiếm quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên của Hội đồng quản trị.
4. Số thành viên Hội đồng quản trị chưa có bằng Đại học không vượt quá 1/4 (một phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
5. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Khi bầu các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới, VPBank phải dự kiến ít nhất 1/3 (một phần ba) số thành viên của Hội đồng quản trị đương nhiệm sẽ được đề cử hoặc ứng cử làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng

<sup>54</sup> Điều 16 Nghị định 59.

quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

6. Trường hợp cổ đông nước ngoài tham gia Hội đồng quản trị phải có thêm các điều kiện sau:
  - a) Không làm thành viên Hội đồng quản trị quá 02 tổ chức tín dụng tại Việt Nam;
  - b) Không được giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị của VPBank.
7. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số thành viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn không quá 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, VPBank phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định.
8. Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của VPBank để thực hiện nhiệm vụ của mình.
9. Giúp việc cho Hội đồng quản trị có Thư ký Hội đồng quản trị. Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quy định.
10. Hội đồng quản trị phải thành lập các Ủy ban để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó tối thiểu phải có 02 Ủy ban là: Ủy ban về vấn đề quản lý rủi ro và Ủy ban về vấn đề nhân sự.

#### **Điều 45. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
  - a) Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - b) Thỏa mãn điều kiện quy định tại Điều 21, Điều 22 Điều lệ này;
  - c) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 27 và Điều 28 Điều lệ này;
  - d) Hiểu biết về hoạt động ngân hàng, thể hiện qua việc đáp ứng một trong các điều kiện sau:
    - Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số vốn cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết của ngân hàng và có chứng chỉ xác nhận đã qua chương trình đào tạo về ngân hàng của cơ quan có thẩm quyền hoặc có ít nhất 01 năm làm việc trong ngành ngân hàng, hoặc,

- Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về ngành kinh tế hoặc luật; hoặc,
  - Có ít nhất 03 năm làm người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kế toán, kiểm toán.
2. Đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập, ngoài những tiêu chuẩn nêu trên, còn phải đáp ứng các điều kiện sau:
- a) Không phải là người đang làm việc cho VPBank hoặc Công ty trực thuộc của VPBank hoặc đã làm việc cho VPBank hoặc Công ty trực thuộc của VPBank bất kỳ thời gian nào trong 03 năm liền kề trước đó;
  - b) Không phải là người đang hưởng lương và thù lao, phụ cấp khác của VPBank ngoài những khoản được hưởng theo tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;
  - c) Vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người đó không thuộc một trong các trường hợp sau: sở hữu từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VPBank; là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của VPBank hoặc Công ty trực thuộc của VPBank vào thời điểm hiện tại hoặc bất kỳ thời gian nào trong 03 năm liền kề trước đó;
  - d) Không phải là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của VPBank tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó; không trực tiếp hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VPBank;
  - e) Không cùng người có liên quan theo quy định tại Điểm p), Khoản 1, Điều 1 Điều lệ này sở hữu từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VPBank.

#### **Điều 46. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị**<sup>55</sup>

1. Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:
- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của VPBank.
  - b) Quyết định cơ cấu tổ chức của Trụ sở chính, Bộ phận kiểm toán nội bộ, Sở giao dịch, Chi nhánh, Công ty trực thuộc, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp của VPBank.
  - c) Quyết định việc mở Sở Giao dịch, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, thành lập Đơn vị sự nghiệp.
  - d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán

<sup>55</sup> Điều 108 Luật Doanh nghiệp. Điều 46 Nghị định 59.

trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị, các chức danh thuộc Bộ phận kiểm toán nội bộ; Giám đốc Sở Giao dịch, Chi nhánh, Công ty trực thuộc, Đơn vị sự nghiệp, Trưởng Văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị trên cơ sở quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

- e) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
- f) Cử người đại diện vốn góp của VPBank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
- g) Quyết định các khoản cho vay, bảo lãnh có giá trị lớn hơn 10% vốn tự có của VPBank trên cơ sở đảm bảo các quy định về an toàn trong hoạt động VPBank, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 29 Điều lệ này.
- h) Quyết định các hợp đồng giao dịch của VPBank quy định tại Khoản 3 Điều 29 Điều lệ này.
- i) Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập.
- j) Chịu trách nhiệm về các vấn đề có liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- k) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.
- l) Ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của VPBank phù hợp với các quy định của pháp luật, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của Đại Hội đồng cổ đông.
- m) Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của VPBank.
- n) Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của VPBank theo quy định của pháp luật.
- o) Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
- p) Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoặc chuẩn y các vấn đề theo quy định của pháp luật.
- q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản VPBank.
- r) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

- s) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của VPBank.
  - t) Quyết định mua lại cổ phần của VPBank theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.
  - u) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.
  - v) Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
  - w) Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
  - x) Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định.
  - y) Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị.
  - z) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, Điều lệ này hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông mà thiệt hại cho VPBank thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho VPBank; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

#### **Điều 47. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị<sup>56</sup>**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số thành viên Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông bầu ra<sup>57</sup>. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam trong suốt nhiệm kỳ.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc

<sup>56</sup> Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Điều 47 Nghị định 59.

<sup>57</sup> Điều 111 LDN cho phép ĐHCĐ bầu trực tiếp Chủ tịch HĐQT.

- họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
  - f) Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;
  - g) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
  - h) Giám sát các thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung;
  - i) Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm 01 lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này;
  - j) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nếu Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng vắng mặt thì Chủ tịch có thể ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

#### **Điều 48. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị<sup>58</sup>**

- 1. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị quản trị VPBank theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 2. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của VPBank.
- 3. Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu

---

<sup>58</sup> Điều 48 Nghị định 59.

cầu người quản trị, điều hành VPBank, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

4. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
5. Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này.
6. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ này.
7. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình.
8. Triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị.
9. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.
10. Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc những người quản lý khác của VPBank cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của VPBank và của các Đơn vị, Công ty trực thuộc VPBank<sup>59</sup>.
11. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.

#### **Điều 49. Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị<sup>60</sup>**

1. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
2. Đối với trường hợp thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu biểu quyết tán thành, bao gồm cả phiếu biểu của thành viên trực tiếp dự họp và phiếu biểu quyết của thành viên không trực tiếp dự họp mà biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của người chủ tọa cuộc họp.
3. Đối với trường hợp thông qua quyết định bằng lấy ý kiến bằng văn bản, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được ít nhất 51% số thành viên Hội đồng

<sup>59</sup> Điều 114 Luật Doanh nghiệp.

<sup>60</sup> Điều 108 Luật Doanh nghiệp, Điều 49 Nghị định 59.



quản trị có quyền biểu quyết tán thành.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Hội đồng quản trị quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp Hội đồng quản trị, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Hội đồng quản trị khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
5. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại Điều 29 Điều lệ này sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
6. Thành viên Hội đồng quản trị nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với VPBank phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan với Hội đồng quản trị để các thành viên Hội đồng quản trị còn lại xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không. Nếu như sau khi Hợp đồng, giao dịch đã được ký kết, thành viên Hội đồng quản trị mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo cho Hội đồng quản trị ngay tại cuộc họp đầu tiên sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

#### **Điều 50. Thể thức họp Hội đồng quản trị<sup>61</sup>**

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của VPBank hoặc ở nơi khác. Cuộc họp HĐQT có thể bằng hình thức họp mặt, hoặc họp qua điện thoại (teleconference) hoặc họp qua video (videoconference).
2. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Cuộc họp Hội đồng quản trị này sẽ bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

<sup>61</sup> Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Điều 49 Nghị định 59.

- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;
  - c) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
  - d) Các trường hợp các quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.
4. Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với VPBank; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
  5. Khi triệu tập họp, người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại VPBank. Trường hợp khẩn cấp, người triệu tập họp có thể thông báo mời họp một ngày làm việc trước ngày họp; các tài liệu liên quan có thể được gửi cho các thành viên ngay tại cuộc họp. Cụ thể về các trường hợp họp khẩn cấp, thời gian và hình thức thông báo mời họp khẩn cấp được thực hiện theo quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.
  6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.
  7. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị dự họp nếu được đa số thành viên hội đồng quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người được ủy quyền dự họp không được biểu quyết.
  8. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Hội đồng quản trị quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng

không được nhận uỷ quyền của thành viên Hội đồng quản trị khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

9. Biên bản họp Hội đồng quản trị<sup>62</sup>:

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

– Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

– Mục đích, chương trình và nội dung họp; thời gian, địa điểm họp;

– Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

– Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

– Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

– Các quyết định đã được thông qua;

Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị. Trường hợp họp qua teleconference hoặc videoconference thì trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày họp, tất cả các thành viên dự họp phải ký trực tiếp vào Biên bản họp.

b) Chủ toạ và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

c) Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.

d) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VPBank.

**Điều 51. Thủ tục lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản<sup>63</sup>**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

<sup>62</sup> Điều 113 Luật Doanh nghiệp; Điều 50 Nghị định 59.

<sup>63</sup> Điều 51 Nghị định 59.

2. Thư ký Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của VPBank;
  - b) Mục đích lấy ý kiến;
  - c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị;
  - d) Vấn đề cần lấy ý kiến;
  - e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về VPBank;
  - g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về VPBank theo quy định của VPBank.
5. Thư ký Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của VPBank;
  - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
  - c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết;
  - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
  - e) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.
6. Thư ký Hội đồng quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VPBank.
9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

#### MỤC IV: BAN KIỂM SOÁT

##### **Điều 52. Thành viên Ban kiểm soát<sup>64</sup>**

1. Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của VPBank nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của VPBank.
2. Ban Kiểm soát của VPBank phải có tối thiểu 03 thành viên, không hạn chế tối đa, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định; trong đó phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là chuyên trách. Ban Kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.
4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế thành viên bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
5. Trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng thành viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn không quá 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, VPBank phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định.
6. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban Kiểm soát<sup>65</sup>:
  - a) Từ 21 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

<sup>64</sup> Điều 121 Luật Doanh nghiệp; Điều 17 Nghị định 59.

<sup>65</sup> Điều 122 Luật Doanh nghiệp; Điều 21 Nghị định 59.

- b) Thỏa mãn điều kiện quy định tại Điều 21, Điều 22 Điều lệ này;
- c) Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 27 và Điều 28 Điều lệ này;
- d) Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về ngành kinh tế, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong ngành tài chính ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
- e) Không phải là người có liên quan của người quản lý VPBank;
- f) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm (đối với thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách).

### **Điều 53. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát<sup>66</sup>**

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ VPBank trong quản trị, điều hành VPBank; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Ban hành Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát. Định kỳ hàng năm, xem xét lại Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.
3. Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành VPBank để thực hiện nhiệm vụ được giao.
4. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của VPBank, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
5. Xem xét sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của VPBank khi thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của VPBank trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng. Ban Kiểm soát triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu trên. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm

<sup>66</sup> Điều 123 Luật Doanh nghiệp; Điều 52 Nghị định 59.

tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của VPBank.

6. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý VPBank theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan, đồng thời yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có). Lập danh sách những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu cổ phần trọng yếu của ngân hàng, lưu giữ và cập nhật danh sách này.
7. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này.
8. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của Điều lệ này và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
9. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

#### **Điều 54. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát<sup>67</sup>**

1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.
2. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.
3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.
4. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này.
5. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát theo Quy định nội bộ của VPBank.
6. Đảm bảo các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét.
7. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện các công việc

---

<sup>67</sup> Điều 53 Nghị định 59.

được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.

8. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.
9. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

#### **Điều 55. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát<sup>68</sup>**

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của VPBank và cổ đông.
2. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát.
3. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường.
4. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm nếu có.
5. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của VPBank cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
6. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình.
7. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích.
8. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết.
9. Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với các quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

#### **Điều 56. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban kiểm soát có một phiếu biểu quyết.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không

---

<sup>68</sup> Điều 54 Nghị định 59.



được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp Ban kiểm soát, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

3. Bất kỳ thành viên Ban kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại Điều 29 Điều lệ này sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
4. Thành viên Ban kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với VPBank phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không. Nếu như sau khi Hợp đồng, giao dịch đã được ký kết mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

### **Điều 57. Cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản của thành viên Ban kiểm soát**

#### **1. Cuộc họp:**

- a) Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:
  - Chủ tịch Hội đồng quản trị;
  - Ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị;
  - Trưởng Ban kiểm soát;
  - Ít nhất hai thành viên Ban kiểm soát trở lên<sup>69</sup>;
  - Tổng Giám đốc;
  - Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước<sup>70</sup>;Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- b) Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của một trong các đối tượng nêu trên, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp, sau hai lần đề nghị liên tiếp mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp, Hội đồng quản trị và các thành

<sup>69</sup> Khoản 2 Điều 22 Thông tư 06/2010/TT-NHNN ngày 26/02/2010.

<sup>70</sup> Khoản 2 Điều 22 Thông tư 06/2010/TT-NHNN ngày 26/02/2010.

viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính và tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban Kiểm soát, bầu một thành viên Ban kiểm soát đủ điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban kiểm soát và trình Ngân hàng Nhà nước chuẩn y theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).

- c) Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau 5 ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban kiểm soát; trường hợp họp bất thường thì thời hạn thông báo có thể ngắn hơn theo quyết định của Trưởng Ban Kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát không thể trực tiếp dự họp có thể gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản, đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến cho Chủ tọa cuộc họp chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết bằng văn bản này chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.
- d) Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba trở lên số thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc thông qua người ủy quyền dự họp. Trường hợp triệu tập họp Ban kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát không đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng quản trị biết và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban kiểm soát không dự họp.
- e) Biểu quyết:
- Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay;
  - Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được ít nhất 51% số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của

Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Ban kiểm soát uỷ quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).

2. Lấy ý kiến bằng văn bản:

- a) Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường nếu:

– Được sự nhất trí bằng văn bản của ít nhất 51% số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

– Số lượng thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban kiểm soát.

- b) Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

## MỤC V: TỔNG GIÁM ĐỐC

### Điều 58. Tổng Giám đốc<sup>71</sup>

1. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của VPBank, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc:
  - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - b) Thỏa mãn điều kiện quy định tại Điều 21, Điều 22 Điều lệ này;

<sup>71</sup> Điều 57, Điều 116 Luật Doanh nghiệp; Điều 18, Khoản 3 Điều 21 Nghị định 59.

- c) Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 27 và Điều 28 Điều lệ này;
  - d) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm, thể hiện qua việc đáp ứng một trong các điều kiện sau:
    - Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về ngành tài chính ngân hàng và có ít nhất 03 năm làm Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc, (Phó giám đốc), Giám đốc đơn vị trực thuộc (chi nhánh, sở giao dịch, công ty trực thuộc) của ngân hàng thương mại; hoặc,
    - Có bằng Đại học hoặc trên đại học về các ngành không phải ngành tài chính ngân hàng và có ít nhất 05 năm làm Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Giám đốc đơn vị trực thuộc (chi nhánh, sở giao dịch, công ty trực thuộc) của ngân hàng thương mại.
  - e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

### **Điều 59. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc<sup>72</sup>**

1. Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
  - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của VPBank mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
  - b) Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của VPBank;
  - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của VPBank;
  - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý tại VPBank, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - f) Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong VPBank, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - g) Tuyển dụng lao động;
  - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
  - i) Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua các báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu

<sup>72</sup> Điều 116 Luật Doanh nghiệp; Điều 55 Nghị định 59.

- quyết toán và các thông tin tài chính khác;
- j) Thiết lập các quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo;
  - k) Báo cáo với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động, hiệu quả và kết quả kinh doanh của VPBank theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
  - l) Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp.
  - m) Kiến nghị, đề xuất việc tổ chức, quản trị và hoạt động ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của ngân hàng trình hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền;
  - n) Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này.
  - o) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của VPBank theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với VPBank và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho VPBank thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho VPBank.

### **Điều 60. Giúp việc cho Tổng Giám đốc<sup>73</sup>**

- 1. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban/Trung tâm tại Hội sở chính; Giám đốc các Chi nhánh, Sở Giao dịch và các chức danh khác theo quy định của VPBank.
- 2. Hội đồng quản trị quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc cho Tổng Giám đốc.

## **MỤC VI: NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 61. Người lao động và công đoàn**

- 1. Việc thành lập và hoạt động công đoàn của người lao động tại VPBank thực hiện theo quy định của pháp luật.

---

<sup>73</sup> Điều 55 Nghị định 59.

2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng Quy chế, quy định liên quan đến việc tuyển dụng, thuê lao động, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng - kỷ luật và các vấn đề liên quan đối với người lao động của VPBank cũng như quan hệ giữa VPBank với tổ chức công đoàn, trình Hội đồng quản trị thông qua trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật và phù hợp với quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

## **CHƯƠNG IV**

### **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, THÔNG TIN-BÁO CÁO**

#### **MỤC I: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 62. Chế độ tài chính, năm tài chính<sup>74</sup>**

1. Chế độ tài chính của VPBank thực hiện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn về chế độ tài chính, VPBank xây dựng Quy chế tài chính của mình trình Hội đồng quản trị phê duyệt để làm căn cứ thực hiện.
3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VPBank chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý Nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính, kiểm toán, kế toán của VPBank.
4. Năm tài chính của VPBank bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.
5. VPBank tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

##### **Điều 63. Hệ thống kế toán**

1. VPBank sử dụng Hệ thống kế toán theo quy định của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. VPBank lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Sổ sách kế toán được lập theo loại hình kinh doanh; các sổ sách đó phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch.
3. VPBank thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán do Ngân hàng Nhà nước quy định.

##### **Điều 64. Báo cáo tài chính<sup>75</sup>**

---

<sup>74</sup> Điều 81 Nghị định 59.

<sup>75</sup> Điều 82, Điều 83 Nghị định 59.

1. VPBank lập các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
2. Báo cáo tài chính của VPBank bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hàng năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình lãi và lỗ của VPBank trong năm tài chính và tình hình các hoạt động nghiệp vụ của VPBank cho đến thời điểm lập báo cáo. Nếu có Công ty trực thuộc, VPBank phải lập báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật.
3. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Ngoài ra, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của VPBank phải được công bố trên website của VPBank. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của VPBank và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp<sup>76</sup>.
4. Trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, VPBank phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 65. Kiểm toán độc lập<sup>77</sup>**

1. Chậm nhất 30 ngày trước khi kết thúc năm tài chính, VPBank phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để kiểm toán các báo cáo tài chính của mình theo quy định. Việc chọn tổ chức kiểm toán độc lập được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.
2. Trong quá trình kiểm toán, VPBank có trách nhiệm:
  - a) Cung cấp kịp thời, đầy đủ và trung thực mọi thông tin, tài liệu cần thiết cho việc kiểm toán;
  - b) Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho kiểm toán viên thực hiện kiểm toán.
3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải hợp, đánh giá kỹ lưỡng về báo cáo kiểm toán và các kiến nghị của kiểm toán độc lập, đưa ra kế hoạch và thời gian biểu thực hiện các kiến nghị của kiểm toán độc lập và theo

---

<sup>76</sup> Điều 129 LDN; Điều lệ mẫu áp dụng cho Công ty niêm yết, ban hành kèm theo QĐ 15/2007 của Bộ Tài chính.

<sup>77</sup> Điều 86 Nghị định 59.

đổi việc thực hiện kế hoạch đó.

4. Kiểm toán viên độc lập được phép tham dự các phiên họp Đại hội đồng cổ đông, thu thập các thông báo và các thông tin khác liên quan đến bất kỳ phiên họp nào mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.
5. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của VPBank được thực hiện theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, pháp luật về kiểm toán và các quy định pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 66. Sử dụng vốn**

1. VPBank được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo quy định của pháp luật.
2. VPBank được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động theo quy định của pháp luật.
3. VPBank được điều động vốn và tài sản giữa các công ty trực thuộc.

## **MỤC II: TRÍCH LẬP CÁC QUỸ VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

### **Điều 67. Trích lập các quỹ**

1. VPBank được trích lập các quỹ sau:
  - a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ;
  - b) Quỹ dự phòng tài chính;
  - c) Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ;
  - d) Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm;
  - e) Quỹ khen thưởng;
  - f) Quỹ phúc lợi;
  - g) Các quỹ khác theo quy định nội bộ của VPBank phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Các vấn đề liên quan đến việc trích lập và sử dụng các quỹ nêu trên được thực hiện theo các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VPBank.

### **Điều 68. Chia cổ tức<sup>78</sup>**

1. Cổ tức được chia theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đề nghị của

---

<sup>78</sup> Điều 93 Luật Doanh nghiệp.



- Hội đồng quản trị, phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.
2. Ngân hàng chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
  3. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo trả cổ tức phải được công khai gửi đến mọi cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Ngân hàng, tên và địa chỉ của cổ đông, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức với từng loại cổ phần và tổng số cổ tức của cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.
  4. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của VPBank hoặc bằng tài sản khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông. Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi cổ đông đăng ký và cung cấp thông tin tài khoản với VPBank. Trường hợp VPBank đã chuyển khoản theo đúng các thông tin tài khoản mà cổ đông cung cấp thì VPBank không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.
  5. Trường hợp cổ phiếu VPBank được niêm yết tại Sở/Trung tâm giao dịch chứng khoán, việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phần đã niêm yết có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán.
  6. VPBank sẽ không trả lãi suất cho bất cứ cổ tức hay một khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.
  7. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.
  8. Hội đồng quản trị có thể quyết định cho tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc tạm ứng này phù hợp với tình hình kinh doanh, lợi nhuận của VPBank và các quy định pháp luật có liên quan.

### MỤC III: CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

#### **Điều 69. Thông tin và bảo mật thông tin<sup>79</sup>**

1. VPBank phải thông tin định kỳ về những giao dịch và số dư trên tài khoản tại

<sup>79</sup> Điều 84, Điều 85 Nghị định 59.

VPBank cho chủ tài khoản nếu có yêu cầu của chủ tài khoản.

2. VPBank được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động ngân hàng và khách hàng.
3. Cán bộ, nhân viên của VPBank và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật quốc gia và bí mật kinh doanh của VPBank mà mình biết.
4. VPBank được quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về việc cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi, tài sản của khách hàng và hoạt động của VPBank, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

### **Điều 70. Báo cáo và công bố thông tin ra công chúng**

1. VPBank phải lập và gửi các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các cơ quan hữu quan khác theo đúng quy định của pháp luật.
2. VPBank có trách nhiệm cung cấp thông tin cho các cơ quan Nhà nước, công bố thông tin ra công chúng theo đúng các quy định pháp luật.

### **Điều 71. Chế độ lưu giữ tài liệu<sup>80</sup>**

1. VPBank phải lưu giữ các tài liệu sau đây tại Trụ sở chính của VPBank:
  - a) Điều lệ VPBank, bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
  - b) Quy chế quản lý nội bộ của VPBank; Sổ đăng ký cổ đông;
  - c) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; các giấy phép và giấy chứng nhận khác (nếu có);
  - d) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của VPBank;
  - e) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của VPBank;
  - f) Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán (nếu có);
  - g) Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
  - h) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;
  - i) Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

---

<sup>80</sup> Điều 12 Luật Doanh nghiệp.

2. Thời hạn, cách thức lưu giữ các tài liệu nêu trên thực hiện theo quy định pháp luật.
3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc lưu giữ, quản lý hồ sơ, tài liệu tại VPBank theo đúng quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.

## **CHƯƠNG V**

### **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN**

#### **Điều 72. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Tranh chấp nội bộ là các tranh chấp, khiếu nại giữa Cổ đông với VPBank, giữa Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hoặc những người quản lý khác của VPBank có liên quan đến tới tổ chức, hoạt động của VPBank hoặc liên quan tới các quyền của cổ đông quy định tại Điều lệ này và/hoặc các văn bản pháp luật có liên quan.
2. Khi tranh chấp nội bộ phát sinh, trước hết, các bên tranh chấp phải cùng nhau giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải, trên cơ sở tôn trọng quyền lợi của nhau và tuân thủ quy định của pháp luật. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng hai mươi một ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào đều có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền để giải quyết. Mỗi bên tự chịu các chi phí của mình phát sinh trong quá trình hòa giải.
3. Trường hợp không thể hòa giải được trong vòng trong vòng mười (10) tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải, các bên có quyền đưa tranh chấp đó ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật. Bên phải chịu án phí do Tòa án quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **Điều 73. Tổ chức lại<sup>81</sup>**

1. Việc tổ chức lại VPBank theo các hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hoặc các hình thức khác được thực hiện theo các quy định của pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc tổ chức lại VPBank.

#### **Điều 74. Giải thể<sup>82</sup>**

1. VPBank bị giải thể trong các trường hợp sau:

---

<sup>81</sup> Điều 150 đến Điều 154 Luật Doanh nghiệp.

<sup>82</sup> Điều 157 đến Điều 159 Luật Doanh nghiệp. Điều 96 Nghị định 59.

- a) Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định giải thể và chấm dứt hoạt động của VPBank theo quy định của pháp luật và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
  - b) Khi hết hạn hoạt động mà VPBank không xin gia hạn giấy phép hoạt động hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
  - c) VPBank bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
  - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc thanh lý khi giải thể được VPBank thực hiện dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước.
  3. Điều kiện, thủ tục và các vấn đề khác liên quan đến việc giải thể VPBank thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

### **Điều 75. Kiểm soát đặc biệt và phá sản<sup>83</sup>**

1. Khi có nguy cơ mất khả năng chi trả cho khách hàng của mình, VPBank phải báo cáo ngay với Ngân hàng Nhà nước về thực trạng tài chính, nguyên nhân và các biện pháp đã áp dụng, dự kiến áp dụng để khắc phục, để Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định áp dụng hay không áp dụng Kiểm soát đặc biệt.
2. VPBank có thể bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt trong những trường hợp sau:
  - a) Có nguy cơ mất khả năng chi trả;
  - b) Nợ không có khả năng thu hồi có nguy cơ mất khả năng thanh toán;
  - c) Số lỗ lũy kế của ngân hàng lớn hơn 50% tổng số vốn điều lệ thực có và các quỹ.
3. Các nội dung khác liên quan đến thủ tục kiểm soát đặc biệt VPBank thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.
4. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước đã có văn bản về việc không áp dụng hoặc chấm dứt áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán của VPBank mà VPBank vẫn mất khả năng thanh toán nợ đến hạn, thì có thể bị giải quyết phá sản. Các nội dung liên quan đến việc giải quyết phá sản VPBank được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

## **CHƯƠNG VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 76. Hiệu lực của Điều lệ**

<sup>83</sup> Điều 160 Luật Doanh nghiệp; Điều 98 Luật các TCTD; Điều 95 Nghị định 59.

1. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày.....tháng.....năm.....
2. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chuẩn y, thay thế cho bản Điều lệ của VPBank đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày.../.../....., (bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung bản Điều lệ này).
3. Các vấn đề chưa được đề cập trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan. Khi có nội dung nào của Điều lệ này trái với các quy định của pháp luật, thì đương nhiên hết hiệu lực thi hành và VPBank sẽ tự động áp dụng quy định của pháp luật tương ứng.

### **Điều 77. Điều khoản cuối cùng**

1. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của VPBank.
2. Điều lệ này gồm 06 chương, 77 điều, được lập thành 10 bản chính, có giá trị như nhau, trong đó:
  - a) Một bản nộp cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
  - b) Hai bản nộp cho Ngân hàng Nhà nước;
  - c) Năm bản đăng ký tại cơ quan chức năng khác theo quy định của pháp luật;
  - d) Hai bản lưu giữ lại VPBank.
3. Các bản sao hoặc trích lục của bản Điều lệ này phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc của tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA VPBANK  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**